

PHỤ LỤC THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ TẠI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA TỈNH ỦY
Về phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại, tập trung vào các đô thị trung tâm và động lực trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Báo cáo số: -BC/TU ngày /6/2026 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
1	Tỷ lệ đô thị hóa	Trên 30,6%	Nghị quyết số 02-NQ/ĐU ngày 18/12/2025 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I về lãnh đạo nhiệm vụ phát triển KT-XH, đảm bảo QP, AN, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2026 (<i>Tỷ lệ đô thị hóa trên 30,6%</i>); Công văn số 2594/SXD-KHĐT ngày 16/4/2026 của Sở Xây dựng về việc rà soát, bổ sung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2025 (<i>Tỷ lệ đô thị hóa đến 31/12/2025 đạt 29,37%</i>)	Trên 38%	- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/9/2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030. - Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. - Công văn số 3191/UBND-KTTH ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh về việc cập nhật, bổ sung các nội dung trọng tâm triển khai Kết luận số 18-KL/TW vào Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh (<i>có xác định kế hoạch đến năm 2030, chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%</i>). Dự thảo Nghị quyết cập nhật chỉ tiêu này.		
2	Về quy hoạch đô thị và nông thôn						
	Đô thị có quy hoạch chung được phê duyệt, rà soát và cập nhật phù hợp với Quy hoạch tỉnh;		- Địa bàn phía Đông Quảng Ngãi (<i>trước sáp nhập ĐVHC</i>): Tất cả các đô thị trên địa bàn tỉnh đã phủ kín 100% quy hoạch chung đô thị.	100%	Hiện nay, tất cả các địa phương (<i>các xã, phường, đặc khu</i>) trên địa bàn tỉnh đang đồng loạt tổ chức triển khai lập quy hoạch chung xã,	Khoảng 376,5 tỷ đồng (<i>NS tỉnh; NS</i>	

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
	các đô thị trung tâm và đô thị động lực hoàn thành, phủ kín quy hoạch phân khu, đồng thời từng bước số hóa cơ sở dữ liệu quy hoạch phục vụ công tác quản lý, điều hành và phát triển đô thị.		Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu tại TP Quảng Ngãi đạt khoảng 52%; TX Đức Phổ đạt khoảng 11,6%; KKT Dung Quất, huyện Lý Sơn và Trung tâm huyện lỵ huyện Sơn Tịnh đạt 100% (theo Báo cáo số 13/BC-SXD ngày 15/02/2022). - Địa bàn phía Tây Quảng Ngãi (trước sáp nhập ĐVHC): Tất cả các đô thị trên địa bàn tỉnh đã phủ kín 100% quy hoạch chung đô thị. Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu tại TP Kon Tum đạt khoảng 16,9% (theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt năm 2024). Theo quy định trước sáp nhập, các đô thị còn lại (thị trấn) không tổ chức lập QHPK (QHPK chỉ lập cho các khu vực trong thành phố, thị xã và đô thị mới).		quy hoạch chung đô thị mới, quy hoạch phân khu theo Danh mục các dự án quy hoạch đô thị và nông thôn dự kiến triển khai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2028 ban hành kèm theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 và số 374/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của UBND tỉnh. Dự kiến đến năm 2030 đạt chỉ tiêu theo dự thảo Nghị quyết đề ra. Tiếp thu ý kiến của Liên hiệp các Hội KH-KT tỉnh, Cơ quan soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung chỉ tiêu này (so với dự thảo trình lần 1) để đảm bảo không những phản ánh yêu cầu hoàn thiện hệ thống quy hoạch mà còn nhấn mạnh chất lượng quy hoạch, tính đồng bộ với Quy hoạch tỉnh và yêu cầu ứng dụng công nghệ số trong quản lý đô thị.	tỉnh hỗ trợ + NS xã) ¹	
3	Về phát triển đô thị						
	Hoàn thiện hệ thống đô thị theo mô hình đa trung tâm; các đô thị trung tâm		- Địa bàn phía Đông Quảng Ngãi (trước sáp nhập ĐVHC): Thành phố Quảng Ngãi đã được công		Theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của UBND tỉnh	X	X

¹ Theo số liệu (đã rà soát, chỉnh sửa) tại Tờ trình số 157/TTr-SXD ngày 19/5/2026 của Sở Xây dựng về việc trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND tỉnh ban hành Danh mục các dự án quy hoạch đô thị và nông thôn dự kiến triển khai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2028.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
	cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn đô thị loại II; các đô thị động lực cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại III; các đô thị trung tâm tiểu vùng từng bước hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị theo lộ trình phù hợp với điều kiện phát triển của từng địa phương.		nhận đô thị loại II; thị xã Đức Phổ được công nhận đô thị loại IV; các thị trấn Trà Xuân, Sông Vệ, Di Lăng, La Hà, Mộ Đức, Ba Tơ, Chợ Chùa, Châu Ổ và các đô thị Minh Long, đô thị mới Sơn Tịnh được công nhận đô thị loại V. - Địa bàn phía Tây Quảng Ngãi (trước sáp nhập ĐVHC): Thành phố Kon Tum đã được công nhận đô thị loại II; thị trấn Plei Kần mở rộng được công nhận đô thị loại IV; các thị trấn Đăk Tô, Đăk Hà, Đăk Glei, Đăk Rve, Sa Thầy và Khu vực Măng Đen điều chỉnh, mở rộng được công nhận đô thị loại V.		Quảng Ngãi phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng: Đến năm 2030, các đô thị trung tâm cấp tỉnh (<i>đô thị Quảng Ngãi, đô thị Kon Tum</i>) đạt chuẩn đô thị loại II; các đô thị động lực (<i>Bình Sơn, Đức Phổ, Măng Đen, Bờ Y, Lý Sơn</i>) đạt tiêu chuẩn đô thị loại III và giữ vai trò là các cực tăng trưởng; các đô thị trung tâm tiểu vùng (<i>Trà Bồng, Mộ Đức, Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Đăk Pék, Đăk Tô, Đăk Hà, Đăk Rve, Sa Thầy</i>) đạt tiêu chuẩn đô thị loại III. Việc đề xuất mục tiêu như dự thảo Nghị quyết đề ra là phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi được duyệt. Tiếp thu ý kiến của Liên hiệp các Hội KH-KT tỉnh, Cơ quan soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung chỉ tiêu này (<i>so với dự thảo trình lần 1</i>) để đảm bảo định hướng nâng cao chất lượng hệ thống đô thị, vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn, khả năng huy động nguồn lực và tránh tạo áp lực thực hiện mang tính hình thức đối với các địa phương.		

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
4	Về hạ tầng kỹ thuật đô thị						
4.1	Đường chính đô thị hiện trạng được cứng hóa		Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (<i>trang 200-204</i>): Hiện trạng: Tỷ lệ cứng hóa đường tỉnh, đường huyện đạt 100%; đường nông thôn đạt hơn 70%; đường đô thị đạt 100%.	100%	Trên cơ sở số liệu hiện trạng tại Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt (<i>nêu bên cạnh</i>), việc đề xuất chỉ tiêu (<i>100% đường chính đô thị hiện trạng được cứng hóa</i>) như dự thảo Nghị quyết đề ra là phù hợp, khả thi.		
4.2	Đường chính đô thị (<i>mặt cắt ngang từ 26m trở lên</i>) theo quy hoạch được cứng hóa		- Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (<i>trang 200-204</i>): Hiện trạng: Tỷ lệ cứng hóa đường tỉnh, đường huyện đạt 100%; đường nông thôn đạt hơn 70%; đường đô thị đạt 100%. - Hiện trạng, số lượng đường chính tại các đô thị khoảng 100-140 tuyến (<i>đã được cứng hóa</i>)².	≥ 50%	- Trên cơ sở: số liệu hiện trạng theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (<i>nêu bên cạnh</i>), Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/5/2026 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030 ³ (<i>chỉ tiêu đến năm 2030: nhựa hóa, cứng hóa 100% tuyến đường xã (trong đó có các xã nằm trong đô thị)</i> ⁴ ; có giải pháp đẩy mạnh huy động các nguồn lực	Khoảng 12.000-15.000 tỷ đồng (<i>khoảng 60-70%</i>)	Khoảng 5.000-8.000 tỷ đồng (<i>khoảng 30-40%</i>)

² Quảng Ngãi khoảng 35-45 tuyến; Kon Tum khoảng 25-35 tuyến; Bình Sơn khoảng 10-15 tuyến; Đức Phổ khoảng 12-18 tuyến; Măng Đen khoảng 8-12 tuyến; Bờ Y khoảng 5-8 tuyến; Lý Sơn khoảng 4-6 tuyến (*Một số cơ sở để đưa ra ước tính trên gồm: Hệ thống trục chính đô thị hiện hữu đã được đầu tư trong các giai đoạn phát triển đô thị trước đây; các khu đô thị mới, khu tái định cư và trục động lực tại Quảng Ngãi, Kon Tum, Đức Phổ, Bình Sơn; định hướng quy hoạch giao thông đô thị tại Măng Đen với nhiều tuyến có mặt cắt từ 23-49m; các dự án giao thông động lực đang chuẩn bị triển khai như cao tốc Quảng Ngãi – Kon Tum sẽ tiếp tục thúc đẩy mở rộng mạng lưới đường chính đô thị trong giai đoạn đến 2030*).

³ Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh liên kết nội vùng, liên kết vùng, quốc gia.

⁴ Ví dụ: Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: **Đô thị Quảng Ngãi** bao gồm các phường Trương Quang Trọng, Cẩm Thành, Nghĩa Lộ và các xã An Phú, Tịnh Khê; định hướng mở rộng không gian đô thị đến các xã Tư Nghĩa, Nghĩa Giang, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Vệ Giang. **Đô thị Kon Tum** bao gồm các phường Kon Tum, Đăk Cẩm, Đăk Bla và các xã Ia Chim, Ngọc Bay, Đăk Rơ Wa.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
			- Dự kiến trong thời gian đến (khi tổ chức rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch chung cho các đô thị đến 2050), sẽ có khoảng 90-120 tuyến đường chính đô thị được quy hoạch phát triển mới. Tổng số đường chính đô thị (hiện trạng và quy hoạch) khoảng 190-220 tuyến.		đầu tư xây dựng hệ thống KCHT đô thị từng bước hiện đại), kế hoạch triển khai lập các dự án quy hoạch đô thị và nông thôn dự kiến triển khai trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 2026-2028), quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD về mật độ đường trong đô thị ($1,5km/1km^2$), nguồn lực đầu tư trên địa bàn (đầu tư công, XHH) và thời gian thực hiện (từ nay đến 2030); - Trong giai đoạn 2026-2030, Để đạt được chỉ tiêu nêu trên, cần tập trung đầu tư khoảng 40-45 tuyến đường chính, tổng chiều dài khoảng 90-120km với tổng kinh phí khoảng 20.000–22.000 tỷ đồng. Sở Xây dựng ước lượng chỉ tiêu “đến năm 2030, đường chính đô thị theo quy hoạch được cứng hóa $\geq 50\%$ ” là khả thi.		
4.3	Đô thị, đô thị mới có hệ thống cấp nước sạch tập trung	70%	Hiện nay, tại các đô thị trên địa bàn tỉnh đã có các nhà máy nước (TP Quảng Ngãi, Nghĩa Hành, Đức Phổ, TP Kon Tum, Plei Kần, Sa Thầy), trạm cấp nước (VSIP Quảng Ngãi, Bình Sơn, Ba Tơ, Đăk Tô, Đăk Rve, Măng Đen, Đăk Glei, Tu	$\geq 80\%$	Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, đến năm 2030 tỉnh Quảng Ngãi có 17 đô thị, đô thị mới (09 đô thị trung tâm cấp tỉnh; 08 đô thị trung tâm tiểu vùng). Theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/5/2026 của BCH Đảng bộ	Khoảng 175–200 tỷ đồng (khoảng 35–45%)	Khoảng 275–300 tỷ đồng (khoảng 55–65%)

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
			<i>Mơ Rông, Ia H'Drai</i>) đang hoạt động ổn định, cung cấp nước sạch cho người dân đô thị, trung tâm huyện cũ. Hiện tại, có khoảng 70% đô thị trên địa bàn tỉnh đã có hệ thống cấp nước sạch tập trung.		tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030 ⁵ , chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030: 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; trên 70% dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn. Để đạt được chỉ tiêu này, dự kiến cần đầu tư thêm hệ thống cấp nước sạch tập trung cho 02 đô thị (<i>đề xuất: đô thị Măng Đen và Bờ Y</i>) Kết hợp với nguồn lực đầu tư trên địa bàn (<i>đầu tư công, XHH</i>) và thời gian thực hiện (<i>từ nay đến 2030</i>); Sở Xây dựng đề xuất chỉ tiêu “ <i>đến năm 2030, $\geq 80\%$ đô thị, đô thị mới có hệ thống cấp nước sạch tập trung</i> ”.		
4.4	Dân số đô thị được cấp nước sạch	80–85%	Theo số liệu ước tính sau khi sáp nhập tỉnh, tỷ lệ dân số đô thị trên địa bàn Quảng Ngãi được cấp nước sạch qua hệ thống tập trung hiện nay đạt khoảng 80–85%. (<i>Số liệu hiện trạng về tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch</i>	100%	Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Phân đấu đến năm 2030, 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; trên 70% dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn ⁶ .		

⁵ Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh liên kết nội vùng, liên kết vùng, quốc gia.

⁶ Trang 372 Báo cáo tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
			<i>theo các Chương trình Phát triển đô thị TP Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum được duyệt: TP Quảng Ngãi 90%; TP Kon Tum (cũ) 80%; trung tâm huyện Kon Rẫy (nay thuộc xã Kon Bراهيم) 77,14%; ...)</i>		Đồng thời, tại Công văn số 3191/UBND-KTTH ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh về việc cập nhật, bổ sung các nội dung trọng tâm triển khai Kết luận số 18-KL/TW vào Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh (có xác định kế hoạch đến năm 2030, chỉ tiêu tỷ lệ dân số đô thị dùng nước sạch là 100%).		
4.5	Chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực đô thị được thu gom, xử lý theo quy định.	90%	Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Thực trạng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị với tỷ lệ thu gom đạt 90% ⁷ ,	Trên 98%	Tại Công văn số 3191/UBND-KTTH ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh về việc cập nhật, bổ sung các nội dung trọng tâm triển khai Kết luận số 18-KL/TW vào Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh (có xác định kế hoạch đến năm 2030, chỉ tiêu tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đạt 95%). Tại Dự thảo (lần 1) Nghị quyết đề xuất nâng lên mức 100% (nhằm hướng đến mục tiêu hiện đại, văn minh). Tiếp thu ý kiến của Liên hiệp các Hội KH-KT tỉnh, Cơ quan soạn		

⁷ Trang 271 Báo cáo tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
					thảo đã chỉnh sửa, bổ sung chỉ tiêu này là “ <i>Trên 98%</i> ” (<i>giảm so với dự thảo trình lần 1</i>) để đảm bảo yêu cầu cao về bảo vệ môi trường, đồng thời phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn, nâng cao tính khả thi và thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả trong quá trình triển khai Nghị quyết. Việc điều chỉnh chỉ tiêu này vẫn phù hợp với chỉ tiêu tại Công văn số 3191/UBND-KTTH ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh nêu trên.		
5	Về đô thị xanh - môi trường - cảnh quan						
5.1	Tỷ lệ cây xanh tại các đô thị trung tâm, đô thị động lực		Theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đến năm 2024, thành phố Quảng Ngãi có hơn 20.543 cây xanh đường phố, đất cây xanh toàn đô thị 10,96m ² /người; đất cây xanh công cộng khu vực nội thành 6,53m ² /người. Ngoài ra, theo báo cáo của Sở Xây dựng tại hội thảo về cây xanh đô thị năm 2022 ⁸ : Đức	Đạt 15 m ² /người	Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Tăng tỷ lệ cây xanh trong các đô thị, nhất là các đô thị trung tâm của tỉnh; phấn đấu đến năm 2030, diện tích cây xanh đạt 8-10m ² /người dân đô thị. Tại Công văn số 3191/UBND-KTTH ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh về việc cập nhật, bổ sung các nội dung trọng tâm triển khai Kết luận số 18-KL/TW vào Quyết định	X	X

⁸ Hội thảo “Thực trạng và định hướng xác lập danh mục cây xanh sử dụng công cộng ở đô thị đồng bằng, ven biển Quảng Ngãi, giai đoạn 2022-2030” (ngày 23/9/2022).

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
			Phổ khoảng 46ha công viên cây xanh (<i>tương ứng khoảng 2-2,25m²/người</i>); các đô thị khác trong tỉnh: bình quân khoảng 7,5ha cây xanh/đô thị. Tại TP Kon Tum (<i>cũ</i>), theo các tài liệu⁹, chỉ tiêu cây xanh đô thị hiện trạng và mục tiêu ngắn hạn được xác định khoảng 10m²/người đối với đất công viên cây xanh đô thị; các đô thị khác trong tỉnh khoảng 8–10m²/người.		số 194/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh (<i>có xác định kế hoạch đến năm 2030, chỉ tiêu tỷ lệ cây xanh đô thị đạt 15 m²/người</i>). Dự thảo Nghị quyết cập nhật chỉ tiêu này.		
5.2	Hình thành khu đô thị sinh thái		Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai quy hoạch, đầu tư các dự án khu đô thị sinh thái như: Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi¹⁰; Dự án Quần thể đô thị nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Thạch Bích - Núi Chúa¹¹ (<i>trong giai đoạn nghiên cứu lập QH</i>); các dự án	≥ 3	Trên cơ sở tiến độ thực hiện các dự án khu đô thị sinh thái trên địa bàn tỉnh hiện nay, dự kiến đến năm 2030 sẽ hình thành ≥ 3 khu đô thị sinh thái trên địa bàn tỉnh.		X

⁹ Về triển khai Đề án phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu của UBND tỉnh Kon Tum.

¹⁰ Đã thực hiện bồi thường 92,8ha/93,92ha; Sở Nông nghiệp và Môi trường đang trình UBND tỉnh hồ sơ giao đất, cho thuê đất (*Đợt 3*). Giá trị thực hiện: Đã chuyển kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng trực tiếp với số tiền 233,57 tỷ đồng/237,1 tỷ đồng; đã chi trả 226,07 tỷ đồng.

¹¹ Đã hoàn thành việc lựa chọn đơn vị làm Nhà thầu tư vấn khảo sát (*vào ngày 08/4/2026*), Nhà thầu tư vấn lập quy hoạch phân khu (*vào ngày 31/01/2026*). Sở Xây dựng đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ tại Kết luận số 09-KL/TU ngày 29/9/2025 sang Quý III/2026 (*Tờ trình số 106/TTr-SXD ngày 29/4/2026*). UBND tỉnh đã có Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 29/4/2026 trình BTV Đảng ủy UBND tỉnh. Đảng ủy UBND tỉnh đã có Tờ trình số 435-TTr/ĐU ngày 03/5/2026 trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
			Khu đô thị số 1, số 4 và số 5 thuộc Khu du lịch Măng Đen ¹² .				
6	Về phát triển đô thị thông minh						
	Đô thị trung tâm và đô thị động lực được triển khai các ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý phát triển đô thị thông minh (<i>giao thông, chiếu sáng, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, an ninh...</i>)		Thời gian qua, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi, phiên bản 1.0 ¹³ ; phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số ¹⁴ ; ban hành Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 04/4/2025 về thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm	100%	Cùng với quyết tâm, nỗ lực trong chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực, Dự thảo Nghị quyết đề xuất chỉ tiêu “100% đô thị trung tâm và đô thị động lực được triển khai các ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý phát triển đô thị thông minh (<i>giao thông, chiếu sáng, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, an ninh...</i>)” là phù hợp với các mục	X	X

¹² (i) Đối với dự án Khu đô thị số 1: Công tác thu hồi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp sang mục đích khác: Trên cơ sở Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 24/4/2026 của HĐND tỉnh, Chủ đầu tư đã hồ sơ nộp tiền trồng rừng thay thế trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 12/5/2026; Đo đạc, kiểm kê tài sản gắn liền với đất: Tổng số thửa đã đo đạc, kiểm kê đến thời điểm báo cáo là 227 thửa/329 thửa; UBND xã Măng Đen đã ban hành Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án khu đô thị số 1; ngày 20/5/2026, UBND xã Măng Đen có Công văn số 853/UBND-KT về việc Thông báo kết thúc thời gian lấy ý kiến cộng đồng dân cư về quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án khu đô thị số 1 và đang thực hiện các bước tiếp theo.

(ii) Đối với dự án Khu đô thị số 4: Công tác thu hồi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp sang mục đích khác để thực hiện các Dự án: Đơn vị tư vấn đã hoàn thực hiện công tác ngoại nghiệp về điều tra đánh giá hiện trạng rừng trồng với diện tích 40,72ha/40,72ha, hiện tại đang xử lý nội nghiệp; Công tác đo đạc, kiểm kê tài sản gắn liền với đất đang triển khai thực hiện; UBND xã Măng Đen đã ban hành Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án khu đô thị số 4.

(iii) Đối với dự án Khu đô thị số 5: Công tác thu hồi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp sang mục đích khác: Đơn vị tư vấn đang thực hiện công tác ngoại nghiệp về điều tra đánh giá hiện trạng rừng trồng diện tích 100,0 ha/125,99ha. Về công tác phối hợp đo đạc, kiểm tra hiện trạng tài sản gắn liền với đất: Trên cơ sở Thông báo thu hồi đất số 76/TB-UBND ngày 21/4/2026 của UBND xã Măng Đen, Hội đồng bồi thường đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-HĐBT ngày 23/4/2026 về điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất (*giai đoạn 1 kiểm kê là 181 thửa/916 thửa (220,02 ha/276,88 ha)*). Đến nay, đã đo đạc 75 thửa/181 thửa; UBND xã Măng Đen đã ban hành Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án khu đô thị số 5.

(theo Báo cáo số 306/BC-TCT ngày 20/2/2026 của Tổ công tác theo Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của UBND tỉnh về tình hình tiến độ thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án Khu đô thị số 1, số 4 và số 5; Địa điểm: xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi).

¹³ Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND tỉnh.

¹⁴ Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
			2030 trên địa bàn tỉnh; phê duyệt Đề án Phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030¹⁵; trong đó dự kiến tổ chức triển khai thí điểm xây dựng mô hình đô thị thông minh tại thành phố Quảng Ngãi (<i>thực hiện trong giai đoạn 2022-2025</i>); đưa nội dung quản lý đô thị thông minh vào các Quy chế quản lý kiến trúc đô thị (<i>Quảng Ngãi, Đức Phổ, Tịnh Hà, Di Lăng...</i>). UBND tỉnh đã triển khai xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống Trung tâm Điều hành thông minh (IOC); xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng các nền tảng số như: Hệ thống phân tích dữ liệu tập trung, CSDL và Hệ thống thông tin phục vụ hoạt động chuyên ngành của cơ quan nhà nước; Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC)... Hiện nay Sở Xây dựng đang triển khai xây dựng: Cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị trên nền bản đồ số; hệ		tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được xác định tại Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch đã đề ra các nhiệm vụ về chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đô thị và giao thông của tỉnh; trong đó đặc biệt là: Nghiên cứu, phát triển nền tảng bản sao số (<i>Digital Twin</i>) đô thị cho các khu vực trọng điểm của tỉnh (<i>Cẩm Thành, Kon Tum, Lý Sơn, Măng Đen và các đô thị mới</i>); tạo lập mô hình số mô phỏng toàn bộ hạ tầng kỹ thuật đô thị theo thời gian thực; kết nối dữ liệu từ cảm biến, camera, thiết bị IoT phục vụ giám sát tình trạng vận hành, phát hiện sự cố, mô phỏng tác động và hỗ trợ ra quyết định trong quy hoạch và điều hành, dựa trên dữ liệu từ các nền tảng của tỉnh và khai thác từ các CSDL quốc gia.		

¹⁵ Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
			thống quản lý tổng thể hoạt động xây dựng tỉnh dựa trên nền tảng số. ¹⁶				
7	Về kiến trúc, cảnh quan và văn minh đô thị						
7.1	Đô thị trung tâm và đô thị động lực được ban hành và thực hiện hiệu quả quy chế quản lý kiến trúc đô thị		Ngày 11/02/2025, UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố Quảng Ngãi; đến nay vẫn đang được triển khai thực hiện. Liên quan đến công tác lập thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị và điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Luật Kiến trúc 2019, Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; thời gian qua (<i>trước sáp nhập ĐVHC</i>), Sở Xây dựng đã ban hành các công văn hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai thực	100%	Hiện nay, Luật Kiến trúc năm 2019 đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung¹⁸ (<i>Bộ Xây dựng đã công bố dự thảo và lấy ý kiến; dự kiến đến cuối tháng 5/2026 sẽ hoàn thiện, trình Quốc hội xem xét thông qua</i>). Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc: tổng thời gian lập, thẩm định, phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc đối với đô thị trực thuộc tỉnh không quá 12,5 tháng. Sở Xây dựng dự kiến sau khi hoàn thành việc lập, phê duyệt quy hoạch chung cho các đô thị (<i>trong 2027</i>) sẽ tập trung triển khai thực	X	X

¹⁶ Trích Báo cáo số 108/BC-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây dựng (*gửi Bộ Xây dựng*) về việc tổng kết Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 -2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

¹⁸ Trong đó có sửa đổi quy định về đối tượng được lập Quy chế quản lý kiến trúc, bổ sung cơ quan lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
			hiện ¹⁷ , theo đó các địa phương (<i>Lý Sơn, Bình Sơn, Châu Ô, Đức Phổ, Di Lăng, Tịnh Hà, Sơn Tịnh, TP Kon Tum (cũ), Măng Đen...</i>) hiện đã rõ cách thức tổ chức thực hiện; đang tiếp tục hoàn thiện việc lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị.		hiện công tác lập, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị trên địa bàn tỉnh. Việc đề xuất chỉ tiêu “100% đô thị trung tâm và đô thị động lực được ban hành và thực hiện hiệu quả quy chế quản lý kiến trúc đô thị” là phù hợp, khả thi.		
7.2	Tuyến phố chính hiện trạng trong các đô thị trung tâm và đô thị động lực được đầu tư, xây dựng và chỉnh trang đồng bộ (<i>vĩa hè, cây xanh, chiếu sáng</i>)		Hiện nay chưa có số liệu thống kê chính thức, đồng nhất ở cấp tỉnh về “ <i>tỷ lệ tuyến phố chính đô thị được đầu tư đồng bộ (vĩa hè, cây xanh, chiếu sáng)</i> ” đối với từng đô thị. Tuy nhiên, trên cơ sở hiện trạng phát triển hạ tầng đô thị, mức độ chỉnh trang các trục trung tâm, các chương trình phát triển đô thị và quan sát thực tế các tuyến đường chính, có thể ước tính tương đối như sau: - Đô thị Quảng Ngãi khoảng 70–80% ¹⁹ ; - Đô thị Kon Tum khoảng 65–75% ²⁰ ;	100%	Xu hướng giai đoạn 2026–2030 sẽ tăng khá nhanh nhờ: định hướng phát triển đô thị loại II, III; chương trình chỉnh trang đô thị và phát triển đô thị; đầu tư các tuyến động lực kết nối Quảng Ngãi – Kon Tum – Măng Đen – Bờ Y thông qua cao tốc đang được nghiên cứu đầu tư. Cơ sở đặt mục tiêu đến năm 2030 đạt 100% các tuyến phố chính hiện trạng trong các đô thị trung tâm và đô thị động lực được đầu tư đồng bộ (<i>vĩa hè, cây xanh, chiếu sáng</i>) chủ yếu dựa trên các nhóm căn cứ sau:	X	X

¹⁷ Địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: số 1679/SXD-QHKT ngày 11/8/2022; số 550/SXD-QHKT ngày 04/4/2025;...

Địa bàn tỉnh Kon Tum (*cũ*): số 1494/SXD ngày 06/9/2024; số 31/SXD-; số 292/SXD-QHKT ngày 26/02/2025;...

¹⁹ Khu trung tâm cũ và các trục đường lớn như Hùng Vương, Quang Trung, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... đã được chỉnh trang khá đồng bộ; một số tuyến khu mở rộng phía Bắc và ven đô còn chưa hoàn thiện đồng đều.

²⁰ Các trục trung tâm như Trần Phú, Phan Đình Phùng, Nguyễn Huệ, Bà Triệu, Bắc Kạn... tương đối hoàn chỉnh; tuy nhiên khu vực mở rộng đô thị phía Bắc và một số tuyến nội bộ còn thiếu đồng bộ cây xanh – vĩa hè.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
			- Đô thị Bình Sơn khoảng 45–55%²¹; - Đô thị Đức Phổ khoảng 50–60%²²; - Đô thị Măng Đen khoảng 55–65%²³; - Đô thị Bờ Y khoảng 40–50%²⁴; - Đô thị Lý Sơn khoảng 60–70%²⁵. Nhìn chung, nếu đánh giá tổng thể nhóm “đô thị trung tâm và đô thị động lực” của khu vực Quảng Ngãi – Kon Tum hiện nay, tỷ lệ tuyến phố chính được đầu tư tương đối đồng bộ có thể đạt bình quân khoảng 60–70%.		- Cơ sở từ định hướng quy hoạch và phân loại đô thị (<i>Các đô thị như Quảng Ngãi, Kon Tum, Đức Phổ, Bình Sơn, Măng Đen, Bờ Y và Lý Sơn đều được xác định là đô thị trung tâm, đô thị động lực hoặc cực tăng trưởng trong quy hoạch tỉnh và chương trình phát triển đô thị</i>). - Theo tiêu chuẩn phân loại đô thị và các tiêu chí đô thị văn minh, các tuyến trục chính đô thị bắt buộc phải được hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật cơ bản: mặt đường, vỉa hè, chiếu sáng, cây xanh, thoát nước và mỹ quan đô thị. - Khi các đô thị phấn đấu nâng loại đô thị hoặc duy trì tiêu chí đô thị hiện hữu thì việc hoàn thiện 100% tuyến phố chính gần như là yêu cầu bắt buộc. - Khối lượng thực tế còn lại không quá lớn (<i>hiện nay phần lớn các trục</i>		

²¹ Hạ tầng tập trung chủ yếu quanh trung tâm Châu Ô và khu vực gần với KKT Dung Quất; nhiều tuyến còn thiên về giao thông hơn là chỉnh trang cảnh quan đô thị.

²² Một số trục chính đô thị đã đầu tư khá tốt sau khi lên thị xã; tuy nhiên độ phủ cây xanh, lát hè và chiếu sáng đồng bộ chưa cao ở các phường ven.

²³ Các tuyến khu trung tâm du lịch được đầu tư khá đẹp, có cảnh quan và cây xanh tốt; nhưng mạng lưới đô thị còn nhỏ, nhiều tuyến đang tiếp tục hoàn thiện theo định hướng đô thị du lịch sinh thái.

²⁴ Hạ tầng khung đã hình thành nhưng mức độ chỉnh trang đô thị chưa đồng đều; một số tuyến thiếu cây xanh và vỉa hè hoàn chỉnh.

²⁵ Các tuyến trung tâm phục vụ du lịch được chỉnh trang khá tốt; tuy nhiên do điều kiện đảo và không gian đô thị phân tán nên chất lượng đồng bộ chưa thật sự cao trên toàn mạng lưới.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
					trung tâm quan trọng đã được đầu tư, đặc biệt tại Quảng Ngãi và Kon Tum; phần còn thiếu chủ yếu là: nâng cấp vỉa hè không đồng bộ; bổ sung cây xanh; hoàn thiện chiếu sáng; chỉnh trang một số đoạn ven đô hoặc tuyến mở mới). Tức là mục tiêu từ mức khoảng 60–75% hiện nay lên 100% chủ yếu là “hoàn thiện đồng bộ”, không phải đầu tư mới toàn bộ hệ thống. Các nguồn lực dự kiến gồm: vốn đầu tư công trung hạn; chương trình phát triển đô thị; nguồn thu sử dụng đất; xã hội hóa chỉnh trang đô thị; nguồn vốn từ các dự án khu đô thị, khu dân cư; đầu tư gắn với giao thông động lực và du lịch. Do vậy, chỉ tiêu này là khả thi.		
8	Về nhà ở xã hội và chất lượng sống						
8.1	Diện tích nhà ở bình quân - đảm bảo phát triển nhà ở xã hội theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt		Theo Báo cáo số 09/BC-SXD ngày 12/01/2026 của Sở Xây dựng về thực hiện chính sách nhà ở và phát triển thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (<i>phục vụ phiên họp lần thứ 5 Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản</i>): Kết quả	$\geq 28\text{--}30$ m ² /người	Dự báo nhu cầu phát triển nhà ở (<i>theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh</i>): Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đến năm 2030 phấn đấu đạt khoảng 31,65m ² sàn/người (<i>trong đó: tại đô thị đạt khoảng 34,23m²</i>	X	X

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
			thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà ở cho toàn tỉnh đến năm 2025 đạt được như sau: - Tổng diện tích sàn nhà ở đạt 54.370.950m ² ; - Diện tích nhà ở bình quân đầu người: đạt 28,71 m ² sàn/người, trong đó: Khu vực đô thị đạt 31,89 m ² sàn/người; khu vực nông thôn đạt 26,84 m ² sàn/người.		sàn/người; tại nông thôn đạt <i>hoảng 30,01 m² sàn/người</i>). Dự thảo Nghị quyết đề xuất chỉ tiêu “ <i>Diện tích nhà ở bình quân ≥ 28–30 m²/người</i> ” là phù hợp, đã dự lường các yếu tố tác động do sự dịch chuyển dân cư khi hợp nhất 02 tỉnh và sự giảm sút nhu cầu, xu hướng phát triển nhà ở thương mại tại các khu đô thị, khu dân cư thuộc các xã phía Tây Quảng Ngãi.		
8.2	Đô thị trung tâm và đô thị động lực đạt tiêu chí về an ninh trật tự, văn minh đô thị.		Hiện nay chưa có bộ chỉ số chính thức công bố riêng cho từng đô thị về “ <i>tỷ lệ đạt tiêu chí an ninh trật tự, văn minh đô thị</i> ” theo một hệ quy chiếu thống nhất. Tuy nhiên, trên cơ sở: mức độ hoàn thành tiêu chí đô thị văn minh; tình hình an ninh trật tự; tỷ lệ phủ chiếu sáng, camera, quản lý trật tự đô thị; mức độ hoàn thiện hạ tầng công cộng; kết quả xây dựng phường/xã đô thị văn minh, an toàn; có thể ước tính tương đối như sau: Đô thị Quảng Ngãi khoảng 85-90% ²⁶ ; đô thị Kon Tum khoảng 80-	100%	Có thể đặt mục tiêu đến năm 2030 đạt khoảng 100% tiêu chí về an ninh trật tự và văn minh đô thị đối với các đô thị trung tâm, đô thị động lực; trên cơ sở: - Cơ sở pháp lý và định hướng quản lý đô thị (<i>các địa phương hiện đang triển khai đồng thời: Chương trình phát triển đô thị; Đề án đô thị văn minh; Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao; phong trào “Sáng – xanh – sạch – đẹp – an toàn”; chuyển đổi số và đô thị thông minh. Theo yêu cầu quản lý đô thị hiện nay, các đô thị trung tâm và đô thị động lực bắt buộc</i>	X	X

²⁶ Là đô thị trung tâm, hệ thống hạ tầng, chiếu sáng, quản lý đô thị và lực lượng bảo đảm ANTT tương đối hoàn chỉnh; nhiều phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
			85%²⁷; đô thị Bình Sơn khoảng 70-75%²⁸; đô thị Đức Phổ khoảng 75-80%²⁹; đô thị Măng Đen khoảng 80-85%³⁰; đô thị Bờ Y khoảng 65-75%³¹; đô thị Lý Sơn khoảng 80-85%³². Nhìn chung, bình quân nhóm đô thị trung tâm và đô thị động lực hiện nay đạt khoảng 78–83% tiêu chí liên quan đến: an ninh trật tự đô thị; văn minh đô thị; mỹ quan đô thị; quản lý trật tự xây dựng; chiếu sáng và hạ tầng công cộng.		<i>phải: bảo đảm an ninh trật tự; kiểm soát trật tự xây dựng; nâng cao mỹ quan; duy trì chiếu sáng, cây xanh, vệ sinh môi trường; quản lý không gian công cộng và giao thông đô thị.</i> - Hiện trạng đã đạt mức tương đối cao (<i>Hiện nay, Quảng Ngãi và Kon Tum đã đạt khoảng 80–90%; các đô thị còn lại đa số đạt khoảng 70–85%. Như vậy, phần lớn tiêu chí cơ bản đã hình thành; phần còn thiếu chủ yếu là nâng chất lượng và đồng bộ quản lý. Tức là giai đoạn 2026–2030 không phải “xây từ đầu”, mà là: hoàn thiện, chỉnh trang, số hóa quản lý, mở rộng phạm vi bao phủ</i>). - Quy mô các đô thị còn tương đối vừa phải (<i>so với các đô thị lớn như Hà Nội hay TP.HCM, các đô thị: Đức Phổ, Bình Sơn, Măng Đen, Bờ Y, Lý Sơn có: quy mô dân số chưa</i>		

²⁷ Tình hình ANTT cơ bản ổn định; trung tâm đô thị được quản lý khá tốt, tuy nhiên còn một số khu vực mở rộng chưa đồng bộ hạ tầng và quản lý trật tự đô thị.

²⁸ Đô thị công nghiệp – dịch vụ đang phát triển nhanh; áp lực dân cư, giao thông và phát triển công nghiệp khiến tiêu chí văn minh đô thị chưa đồng đều.

²⁹ Sau khi lên thị xã, công tác chỉnh trang và quản lý đô thị cải thiện rõ; một số khu vực ven đô còn hạn chế về hạ tầng và mỹ quan.

³⁰ Môi trường đô thị, cảnh quan và an ninh du lịch khá tốt; quy mô dân số nhỏ nên quản lý trật tự tương đối thuận lợi.

³¹ Là đô thị cửa khẩu nên còn áp lực về quản lý biên giới, xuất nhập cảnh, thương mại biên mậu; hạ tầng đô thị chưa thật sự đồng bộ.

³² An ninh trật tự nhìn chung tốt; du lịch phát triển kéo theo yêu cầu cao hơn về vệ sinh môi trường và quản lý đô thị ven biển.

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
					quá lớn; mạng lưới giao thông còn kiểm soát được; áp lực đô thị hóa chưa quá cực đoan. Do đó khả năng quản lý đồng bộ về: ANTT, vệ sinh môi trường, chiếu sáng, quảng cáo, lấn chiếm vỉa hè, trật tự xây dựng sẽ khả thi hơn). - Nguồn lực đầu tư giai đoạn 2026–2030 dự kiến tăng mạnh (các động lực lớn gồm: phát triển KKT Dung Quất; trục động lực cao tốc Quảng Ngãi – Kon Tum; phát triển du lịch Măng Đen; du lịch biển đảo Lý Sơn; logistics cửa khẩu Bờ Y; mở rộng không gian đô thị Quảng Ngãi và Kon Tum. Nguồn vốn sẽ đến từ: đầu tư công trung hạn; vốn chính trang đô thị; nguồn thu sử dụng đất; PPP; xã hội hóa; các dự án khu đô thị mới. Các dự án hiện nay cũng đều tích hợp: camera an ninh; chiếu sáng LED; cây xanh; hạ tầng ngầm; quản lý đô thị thông minh. Điều này giúp nâng nhanh tỷ lệ đạt tiêu chí văn minh đô thị). - Chuyển đổi số và đô thị thông minh là yếu tố then chốt (Đến 2030, nhiều đô thị sẽ triển khai: camera AI; trung tâm điều hành đô		

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
					thị thông minh; phản ánh hiện trường; quản lý chiếu sáng tự động; quản lý vi phạm trật tự đô thị qua dữ liệu số. Nhờ đó: năng lực quản lý tăng lên; chi phí vận hành giảm; khả năng duy trì tiêu chí ổn định hơn nhiều so với trước đây. Đây là các tiêu chí nền tảng để: nâng loại đô thị; công nhận đô thị văn minh; thu hút đầu tư và phát triển du lịch). Tuy nhiên, hiện nay “tiêu chí về an ninh trật tự, văn minh đô thị” chưa được định lượng chính thức; “100% tuyệt đối” trên thực tế luôn có độ dao động (trong quản lý đô thị: vi phạm trật tự xây dựng, lấn chiếm vỉa hè, quảng cáo sai quy định, mất mỹ quan cục bộ, sự cố chiếu sáng, mất ANTT nhỏ lẻ...luôn có thể phát sinh). Do vậy, trong trường hợp chưa thể khẳng định tỷ lệ tuyệt đối 100%, Sở Xây dựng kiến nghị có thể xem xét, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy: “Phấn đấu đến năm 2030, các đô thị trung tâm và đô thị động lực cơ bản đạt các tiêu chí chủ yếu về an ninh trật tự và văn minh đô		

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng		Đề xuất tại Nghị quyết		Nguồn vốn, kinh phí	
		Chỉ tiêu 2026	Căn cứ của chỉ tiêu hiện trạng	Chỉ tiêu 2030	Căn cứ đề xuất	Ngân sách	Xã hội hóa
					thị.” để bảo đảm tính định hướng và phù hợp thực tiễn đánh giá quản lý đô thị.		